**BÀI 2: TẬP HỢP CÁC SỐ TỰ NHIÊN ( 3 TIẾT)**

**Tiết: 3,4,5.**

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Nhận biết và biết cách viết tập hợp các số tự nhiên; phân biệt được kí hiệu hai tập và \*.

- Biết đọc và viết được các số tự nhiên có nhiều chữ số.

- Biết được mỗi số tự nhiên được biểu diễn một điểm trên tia số.

- Biết được với một số tự nhiên có nhiều chữ số thì mỗi chữ số ở những vị trí khác nhau có giá trị khác nhau; biết viết một số thành tổng các số theo các hàng và ngược lại ( đặc biệt đối với các số có chứa chữ).

- Biết đọc và viết các số La Mã từ 1 đến 30.

- Biết so sánh hai số tự nhiên có nhiều chữ số và chọn được số lớn nhất, nhỏ nhất trong dãy số cho trước.

**2. Năng lực**

**Năng lực riêng:**

- Vận dụng các kiến thức giải bài toán có có nội dung thực tiễn.

**Năng lực chung:** Năng lực mô hình hóa toán học, năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.

**3. Phẩm chất**

- Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

- Chăm chỉ tích cực xây dựng bài, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.

- Hình thành tư duy logic, lập luận chặt chẽ, và linh hoạt trong quá trình suy nghĩ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, Tài liệu giảng dạy, giáo án PPT,Bảng ghi sẵn các số La Mã từ 1 đến 30.

**2 - HS** : SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập, bảng nhóm, bút viết bảng nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS thấy được sự tồn tại của các con số trong, qua đó gợi được nội dung của bài học như: ôn lại về số tự nhiên, giá trị của mỗi chữ số trong một số tự nhiên và so sánh các số tự nhiên.

**b) Nội dung:** HS thực hiện các yêu cầu dươi sự hướng dẫn của GV.

**c) Sản phẩm:** HS trả lời được câu hỏi mở đầu.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu HS quan sát bảng, đọc dân số tương ứng ở mỗi tỉnh và trả lời câu hỏi đặt ra.

- GV khẳng định: Mỗi số trên đều là số tự nhiên.

- GV đặt thêm câu hỏi:

+ “Số chỉ dân số ở Hà Nội có mấy chữ số và gồm những chữ số nào?”

+ “Giá trị của chữ số 9 thứ nhất và chữ số 9 thứ hai trong số 8 093 900 kể từ trái sang phải bằng bao nhiêu?”

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Hs thực hiện nhiệm vụ trong 3 phút.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trình bày câu trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt vào bài học mới: Ở tiểu học, ta đã biết các số 0, 1, 2, 3, 4,... được gọi là các số tự nhiên. Tập hợp các số tự nhiên kí hiệu là . Chúng ta có liệt kê được hết các phần tử của tập hợp N không? Vậy tập hợp sẽ được viết như thế nào?”

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tập hợp và tập hợp \***

**a) Mục tiêu:**

**-** Phân biệt được tập hợp số tự nhiên ( ) và tập các số tự nhiên khác 0 ( ­\*­).

- Củng cố lại cách biểu diễn một tập hợp.

**b) Nội dung:**

- GV giảng, trình bày.

- HS chú ý theo dõi SGK, lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

**c) Sản phẩm:**

HS nắm được kiến thức và hoàn thành phần ***Luyện tập 1***

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - HS đọc khung kiến thức trọng tâm và ghi nhớ.  - GV nhấn mạnh và nhắc nhở HS phải biết cách viết và phân biệt hai tập hợp và \*.  - GV yêu cầu HS đọc và hoàn thành Ví dụ 1.  - GV yêu cầu HS hoàn thành ***Luyện tập 1.***  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, tiếp nhận kiến thức, tiếp nhận nhiệm vụ hoạt động cặp đôi và hoàn thành các yêu cầu.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày tại chỗ.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định: -** GV chốt lại đáp án và tổng quát lại tập hợp và ­\*:  **= { 0; 1; 2; 3; 4;...}**  **­\*= { 1; 2; 3; 4; 5;...}** | **I. TẬP HỢP CÁC SỐ TỰ NHIÊN**  **1. Tập hợp và \***  - Các số 0, 1, 2, 3, 4,... là các số tự nhiên.  - Tập hợp các số tự nhiên được kí hiệu là **,** tức là  **= { 0; 1; 2; 3; 4; ...}**  - Tập hợp các số tự nhiên khác 0 được kí hiệu là **\***, tức **N\* = { 1; 2; 3; 4; ...}.**  ***Luyện tập 1.***  Phát biểu đúng là:  b) Nếu x ∈ **\*** thì x ∈ **.** |

**Hoạt động 2: Cách đọc và viết số tự nhiên**

**a) Mục tiêu:**

- HS đọc và viết được số tự nhiên theo yêu cầu.

- Củng cố cho HS đơn vị tỉ và lớp tỉ.

**b) Nội dung:** HS chú ý theo dõi SGK, lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

**c) Sản phẩm:**

HS nắm được kiến thức và hoàn thành phần ***Luyện tập 3, 4***

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc và viết số theo yêu cầu trong ***Hoạt động 1***.  - GV nhấn mạnh cách viết tách riêng từng nhóm ba chữ số kể từ phải sang trái cho dễ đọc trong phần kiến thức bổ sung ở khung lưu ý.  - GV yêu cầu HS đọc và trình bày Ví dụ 2.  - GV yêu cầu HS hoạt động cặp đôi, đọc cho nhau nghe ***Luyện tập 2.***  - GV cho HS tự hoàn thành vở ***Luyện tập 3.***  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, tiếp nhận nhiệm vụ hoạt động cặp đôi và hoàn thành các yêu cầu.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày tại chỗ.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chốt lại đáp án và tổng quát cách đọc, ghi số tự nhiên. | **2. Cách đọc và viết số tự nhiên**  ***Hoạt động 1:***  a) Đọc số 12 123 452: Mười hai triệu một trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi hai.  b) Viết số Ba mươi tư nghìn sáu trăm năm mươi: 34 650.  **\* Lưu ý:**  **Khi viết các số tự nhiên có bốn chữ số trở lên, người ta thường viết tách riêng từng nhóm ba chữ số kể từ phải sang trái cho dễ đọc.**  ***Luyện tập 2:***  + 71 219 367: *Bảy mươi mốt triệu hai trăm mười chín nghìn ba trăm sáu mươi bảy*;  + 1 153 692 305: *Một tỉ  một trăm năm mươi ba triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn ba trăm linh năm.*  ***Luyện tập 3:***  Ba tỉ hai trăm năm mươi chín triệu sáu trăm ba mươi nghìn hai trăm mười bảy: ***3 259 633 217.*** |

**Hoạt động 3: Biểu diễn số tự nhiên**

**a) Mục tiêu:**

- Nhận biết được thứ tự trong tập hợp số tự nhiên.

- Nhận biết được tia số và mối liên hệ với các điểm biểu diễn chúng trên tia số.

- HS nhận biết được cách viết số tự nhiên trong hệ thập phân và mối quan hệ giữa các hàng.

- HS hiểu giá trị mỗi chữ số của một số tự nhiên viết trong hệ thập phân.

**b) Nội dung:** HS chú ý theo dõi SGK, lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

**c) Sản phẩm:**

HS nắm được kiến thức và hoàn thành phần ***Luyện tập 4***

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV nhắc HS ghi nhớ lại kiến thức đã biết ở tiểu học: Mỗi số tự nhiên đều được biểu diễn bởi một điểm trên tia số.  - GV yêu cầu HS đọc và hoàn thành ***Hoạt động 2:***  + Xác định chữ số hàng đơn vị, hàng chục, hàng trăm của mỗi số đã cho.  + Viết số 953 thành tổng ( theo mẫu).  - GV giảng, phân tích cho HS thấy rõ mỗi số đã cho được tạo bởi các chữ số nào và thành phần của mỗi số.  - GV yêu cầu HS đọc khung kiến thức trọng tâm và ghi nhớ.  - GV nhắc HS ghi nhớ cách kí hiệu số tự nhiên có hai chữ số, ba chữ số mà trong số đó có chứa chữ.  - GV yêu cầu HS đọc và trình bày Ví dụ 3.  - GV hướng dẫn HS ghi nhớ kết quả việc phân tích các số có chứa chữ thành tổng giá trị các hàng.  - GV cho HS tự hoàn thành vở ***Luyện tập 4.***  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, tiếp nhận nhiệm vụ hoạt động cặp đôi và hoàn thành các yêu cầu.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày tại chỗ hặc trình bày bảng.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chốt lại đáp án và nêu lại trọng tâm kiến thức. | **II. Biểu điễn số tự nhiên**  **1. Biểu diễn số tự nhiên trên tia số**  - Các số tự nhiên được biểu diễn trên tia số. Mỗi số tự nhiên ứng với một điểm trên tia số:    **2. Cấu tạo thập phân của số tự nhiên**  ***Hoạt động 2:***  a) + 966 có chữ số hàng trăm là 9, chữ số hàng chục là 6 và chữ số hàng đơn vị là 6.  + 953 có chữ số hàng trăm là 9, chữ số hàng chục là 5 và chữ số hàng đơn vị là 3.  b) 953 = 900 + 50 + 3.  Kết luận:  ***- Số tự nhiên được viết trong hệ thập phân bởi một, hai hay nhiều chữ số. Các chữ số được dùng là 0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9. Khi một số gồm hai chữ số trở lên thì chữ số đầu tiên ( tính từ trái sáng phải) khác 0.***  ***- Trong cách viết một số tự nhiên có nhiều chữ số, mỗi chữ số ở những vị trí khác nhau có giá trị khác nhau.***  ***+ Kí hiệu : ( a 0) chỉ số tự nhiên có hai chữ số, chữ số hàng chục là a, chữ số hàng đơn vị là b.***  ***+ Kí hiệu (a 0) chỉ số tự nhiên có ba chữ số,chữ số hàng trăm là a, chữ số hàng chục là b, chữ số hàng đơn vị là c.***  ***Luyện tập 4:***   = a x 100 + b x 10   = a x 100 + c  = a x 1000 + 1 |

**Hoạt động 4: Số La Mã**

**a) Mục tiêu:**

- HS viết được số La Mã từ 1 đến 30.

- Vận dụng các kiến thức để đọc, viết số La Mã theo yêu cầu.

**b) Nội dung:** HS chú ý theo dõi SGK, lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

**c) Sản phẩm:**

HS nắm được kiến thức và hoàn thành phần ***Luyện tập 4***

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS trao đổi cặp đôi hoàn thành ***Hoạt động 3.***  – GV hỏi: “Kim phút đang chỉ số nào?”, “Đồng hồ chỉ mấy giờ?”  - GV giới thiệu các chữ số cơ bản: I, V, X và hai số đặc biệt IV, IX.  - GV nêu rõ: Ngoài hai số đặc biệt IV và IX, các số còn lại trên mặt đồng hồ có giá trị bằng tổng các chữ số của nó. VD: VIII = V + I + I + I = 5 + 1 + 1 + 1 = 8.  - GV nêu rõ: Các chữ số cơ bản I, V, X và nhóm chữ số IV (số 4), IX (số 9) là một số thành phần cơ bản để tạo số La Mã. Giá trị của số La Mã là tổng các thành phần của nó.  - GV nhắc lại các số La Mã từ 1 đến 10.  - GV giới thiệu cách viết các số La Mã từ 11 đến 30. HS đọc và viết vào vở các số La Mã từ 1 đến 30.  - GV nhấn mạnh để cho HS dễ ghi nhớ các số La Mã, giá trị của số La Mã là tổng các thành phần của nó, chẳng hạn:  Số 17: XVII = X+V+I+I=10+5+1+1=17; Số 29: XXIX = X+X+IX=10 +10 + 9= 29.  - GV cho HS đọc và trình bày Ví dụ 4.  - GV yêu cầu HS hoàn thành ***Luyện tập 5*** và trao đổi cặp đôi, kiểm tra chéo đáp án.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, tiếp nhận nhiệm vụ hoạt động cặp đôi và hoàn thành các yêu cầu.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày tại chỗ hặc trình bày bảng.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chốt lại đáp án và nêu lại trọng tâm kiến thức. | **3. Số La Mã.**  ***Hoạt động 3:***  a) Các số trên đồng hồ: 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9; 10; 11; 12.  b) Đồng hồ chỉ 7 giờ.  **\* Cách ghi số La Mã:**  - Các số tự nhiên từ 1 đến 10 được ghi bằng số La Mã tương ứng như sau:   |  |  | | --- | --- | | I | 1 | | II | 2 | | III | 3 | | IV | 4 | | V | 5 | | VI | 6 | | VII | 7 | | VIII | 8 | | IX | 9 | | X | 10 |   - Nếu thêm vào bên trái mỗi số ở bảng số La Mã trên một chữ số X, ta được các số La Mã từ 11 đến 20.  - Nếu thêm vào bên trái mỗi số ở bảng số La Mã trên hai chữ số X, ta được các số La Mã từ 21 đến 30.  ***Luyện tập 5:***  a) Đọc các số La Mã sau:  XVI: mười sáu; XVIII: Mười tám; XXII: hai mươi hai; XXVI: hai mươi sáu; XXVIII: hai mươi tám.  b) Viết số La Mã:  12: XII; 15: XV; 24: XXIV; 25: XX; 29: XXIX. |

**Hoạt động 5: So sánh các số tự nhiên**

**a) Mục tiêu:**

- Hình thành được quy tắc so sánh hai số tự nhiên.

**b) Nội dung:** HS chú ý theo dõi SGK, lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

**c) Sản phẩm:**

HS nắm được kiến thức và hoàn thành phần ***Luyện tập 6***

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV đặt tình huống, chẳng hạn: “Số nào nhỏ hơn trong hai số 3 và 5?”  Từ đó, GV khẳng định: Trong hai số tự nhiên khác nhau, có một số nhỏ hơn số kia và nhắc lại kí hiệu lớn hơn “ > ”, nhỏ hơn “ < ” cho HS. Hơn nữa a < b, b < c thì a < c.  - GV yêu cầu HS thực hiện ***Hoạt động 4.***  - GV yêu cầu HS đọc khung kiến thức trọng tâm và ghi nhớ.  - GV cho HS đọc rồi trình bày Ví dụ 5.  - GV yêu cầu HS hoàn thành ***Luyện tập 6*** vào vở.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, tiếp nhận nhiệm vụ hoạt động cặp đôi và hoàn thành các yêu cầu.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày tại chỗ hặc trình bày bảng.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chốt lại đáp án và nêu lại trọng tâm kiến thức. | **III. So sánh các số tự nhiên**  \* Lưu ý:  Nếu a < b và b < c thì a < c.  ***Hoạt động 4:***  a) 9 998 < 10 000  b) 524 697 > 524 687  Kết luận:  ***- Trong hai số tự nhiên có số chữ số khác nhau: Số nào có nhiều chữ số hơn thì lớn hơn, số nào có ít chữ số hơn thì nhỏ hơn.***  ***- Để so sánh hai số tự nhiên có số chữ số bằng nhau, ta lần lượt so sánh từng cặp chữ số trên cùng một hàng ( tính từ trái sang phải), cho đến khi xuất hiện cặp chữ số đầu tiên khác nhau. Ở cặp chữ số khác nhau đó, chữ số nào lớn hơn thì số tự nhiên chứa chữ số đó lớn hơn.***  ***Luyện tập 6:***  a) Số 35 216 098 có tám chữ số và số 8 935 789 có bảy chữ số.  Vậy 35 216 098 > 8 935 789  b) Do hai số 69 098 327 và 69 098 357 có cùng các chữ số nên ta lần lượt so sánh từng cặp chữ số trên cùng một hàng kể từ trái sang phải cho đến khi xuất hiện cặp chữ số đầu tiên khác nhau là 2 < 7. Vậy 69 098 327 < 69 098 357. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** |
| **LUYỆN TẬP**  ***Nhiệm vụ 1 : Hoàn thành BT1***  - GV yêu cầu HS trao đổi, thảo luận hoàn thành **BT1** ( SGK - tr 8).  - GV mời 4 HS trình bày bảng. Các HS dưới lớp hoàn thành vở và chú ý nhận xét bài các bạn trên bảng.  - GV chữa bài, lưu ý HS những lỗi sai.  ***Nhiệm vụ 2 : Hoàn thành BT2***  - GV yêu cầu HS đọc đề và hoàn thành **BT2** sau đó hoạt động cặp đôi kiểm tra chéo đáp án.  - GV mời 4 HS trình bày, phát biểu tại chỗ. Các HS dưới lớp hoàn thành vở và chú ý nhận xét bài các bạn trên bảng.  - GV chữa bài, chốt đáp án, tuyên dương các bạn ra kết quả chính xác.  ***Nhiệm vụ 3 : Hoàn thành BT3***  - GV yêu cầu HS hoàn thành **BT3** bằng cách đọc số liệu về các đại dương trong bảng cho bạn nghe và kiểm tra chéo nhau.  - GV mời 4 HS trình bày miệng tại chỗ. Các HS khác chú ý nghe và chỉnh sửa cho bạn.  - GV chữa bài, chốt lại đáp án.  ***Nhiệm vụ 4 : Hoàn thành BT4***  - GV yêu cầu HS đọc và hoàn thành BT4 vào vở.  - GV mời 2- 3 HS trình bày miệng câu a. Các HS khác hoàn thành vở và chú ý nghe nhận xét các bạn.  - GV mời 2 HS lên bảng hoàn thành câu b.  - GV chữa bài, nhận xét quá trình học của HS, tuyên dương các bạn hăng hái, tích cực xây dựng bài.  - GV nhận xét, đánh giá chuẩn kiến thức.  ***Nhiệm vụ 5 : Hoàn thành BT6***  - GV cho HS đọc, xác định yêu cầu bài 6 và hoạt động cặp đôi hoàn thành bài.  - GV mời 3 HS lên bảng trình bày 3 ý. Các HS khác hoàn thành vở và chú ý nhận xét.  - GV chữa bài, lưu ý HS cách làm. Tuyên dương các bạn có kết quả nhanh, chính xác và các bạn tích cực, hăng hái xây dựng bài.  **CỦNG CỐ - DẶN DÒ**  - GV cần lưu ý để học sinh ghi nhớ kí hiệu tập số , \* ; cấu tạo thập phân của số tự nhiên ; cách ghi số La Mã.  - Với cách ghi số tự nhiên ở hệ thập phân, giá trị mỗi số bằng tổng giá trị các chữ số tương ứng ở mỗi hàng.  - Với cách ghi số La Mã, giá trị mỗi số bằng tổng giá trị các chữ số tương ứng ở mỗi hàng.  - Với cách ghi só La Mã, giá trị của số La Mã là tổng các thành phần của nó. | **Bài 1 :**   |  |  | | --- | --- | | Tổng | Số | | 2 000 000 + 500 000 + 60 000 + 500 + 90 | 2 560 590 | | 9 000 000 000 + 50 000 000 + 8 000 000 + 500 000  + 400 | **9 058 500 400** | | a x 100 + b x 10 + 6 |  | | a x 100 + 50 + c |  |   **Bài 2:**  a) Số tự nhiên lớn nhất có sáu chữ số khác nhau: **987 654**  b) Số tự nhiên nhỏ nhất có bỷ chữ số khác nhau: **1 023 456**  c) Số tự nhiên chẵn lớn nhất có tám chữ số khác nhau: **98 765 432**  d) Số tự nhiên lẻ nhỏ nhất có tám chữ số khác nhau: **10 234 567**  **Bài 3 :**  \* Ấn Độ Dương:  - Diện tích: bảy mươi sáu triệu hai trăm nghìn ki-lô-mét vuông  - Độ sâu trung bình: ba nghìn tám trăm chín mươi bảy mét  \* Bắc Băng Dương:  - Diện tích: mười bốn triệu tám trăm nghìn ki-lô-mét vuông  - Độ sâu trung bình: một nghìn hai trăm linh năm mét  \* Đại Tây Dương:  - Diện tích: chín mươi mốt triệu sáu trăm nghìn ki-lô-mét vuông  - Độ sâu trung bình: ba nghìn chín trăm hai mươi sáu mét  \* Bắc Băng Dương:  - Diện tích: một trăm bảy mươi tám triệu bảy trăm nghìn ki-lô-mét vuông  - Độ sâu trung bình: bốn nghìn không trăm hai mươi tám mét.  **Bài 4:**  a) Đọc số La Mã: IV: bốn; VIII: tám; XI: mười một; XXIII: hai mươi ba; XXIV: hai mươi tư; XXVII: hai mươi bảy.  b) Viết số La Mã: 6: VI; 14: XIV; 18: XVIII; 19: XIX; 22: XXII; 26: XXVI; 30: XXX.  **Bài 6 :**  a) Gọi A là tập hợp các số tự nhiên x thỏa mãn x ≤ 6  A = {0; 1; 2; 3; 4; 5; 6}  b) Gọi B là tập hợp các số tự nhiên x thỏa mãn 35 ≤ x ≤ 39  B = {35; 36; 37; 38; 39}  c) Gọi C là tập hợp các số tự nhiên x thỏa mãn 216 < x ≤ 219  C = {217; 218; 219}. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để nắm vững kiến thức.

- HS thấy sự gần gũi toán học trong cuộc sống, biết thêm về lịch sử toán học, biết thêm các sự kiện chính trị, văn hóa, thể thao, những địa danh nổi tiếng trên thế giới.

**b) Nội dung:** HS thực hiện theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV chiếu Slide bài 8 và yêu cầu HS hoàn thành bài tập 8 vào vở.*

*- GV mời 2 - 3 bạn trình bày câu trả lời.*

**Bài 8:**

Ta có: 105 000 < 107 000 < 110 000 < 115 000 < 120 000

Vạy cô Ngọc nên mua phích ở cửa hàng Bình Minh thì sẽ có giá rẻ nhất.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức và chốt lại nội dung.*

- *GV giới thiệu cho HS đọc* *và tìm hiểu «****CÓ THỂ EM CHƯA BIẾT****»*

+ GV giới thiệu nguồn gốc và ứng dụng số La Mã trong cuộc sống :

“ Số La Mã hay chữ số La Mã là một hệ thống chữ số có nguồn gốc từ Roma cổ đại, dựa theo chữ số Etruria. Hệ thống chữ số La Mã dùng trong thời cổ đại đã được người ta chỉnh sửa sơ vào thời Trung Cổ để biến nó thành dạng mà chúng ta sử dụng ngày nay. Hệ thống này dựa trên một số ký tự nhất định được coi là chữ số sau khi được gán giá trị.”

“ Số La Mã được sử dụng phổ biến ngày nay trong những bản kê được đánh số (ở dạng sườn bài), mặt đồng hồ, những trang nằm trước phần chính của một quyển sách, tam nốt hợp âm trong âm nhạc phân tích, việc đánh số ngày xuất bản của phim, những lãnh đạo chính trị tiếp nối nhau, hoặc trẻ em trùng tên, và việc đánh số cho một số hoạt động nào đó, như là Thế vận hội Olympic và giải Super Bowl.”

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học (ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS.  - Phương pháp hỏi đáp | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

**\* HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Ghi nhớ kiến thức trong bài.

- Hoàn thành các bài tập còn lại SGK.

- Chuẩn bị bài mới “ **Phép cộng, phép trừ các số tự nhiên**”